

BÁO CÁO SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH NHÀ LÀM VIỆC ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT GIỮ LẠI TIẾP TỤC SỬ DỤNG
(Kèm theo Công văn số /BC-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Phước Giang)

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất hiện có	Diện tích hiện có (m2)			Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Tiêu chuẩn, định mức được sử dụng theo quy định (m2)			Chênh lệch (Thừa (+)/ thiếu(-)) hiện có so với tiêu chuẩn, định mức (m2)	Ghi chú
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà	Giá trị QSDĐ	Nguyên giá tài sản gắn liền với đất	Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất (đến ngày 31/12/2024)	Diện tích làm việc phục vụ công tác của các chức danh (*)	Diện tích sử dụng chung (**)	Diện tích chuyên dùng (dự kiến đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành) (***)		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)				(6)	(7)	(8)	(9) = (5)-(8)	(10)
1	UBND xã Phước Giang												
1	Xã Hành Nhân (cũ)												
1.1	Nhà làm việc Đảng uỷ - UBND xã (Hành nhân cũ)	1	4309,9	732	732	5.171.800.000	5.500.000.000	5.060.000.000	227			505	Trụ sở làm việc UBMTTQVN và Hội Đoàn thể xã Phước Giang
1.2	Nhà làm việc BCH QS xã (Hành Nhân cũ)	1	-	300	300	-	856.800.000	753.984.000					
1.3	Nhà làm việc khối mặt trận các hội đoàn thể (Hành Nhân cũ)	1	-	1440	1440	-	550.000.000	44.000.000	91			1.349	Trụ sở làm việc Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Phước Giang
1.4	Nhà văn hóa xã Hành Nhân	1	3842	400	400	4.610.400.000	4.000.000.000	3.200.000.000					
1.5	Lớp mẫu giáo thôn Đông Vinh xã Hành Nhân (Nhà văn hoá thôn Đông Vinh)	1	430	-	-	86.000.000	-	-					
1.6	Điểm trường Tiểu Học thôn Đông Vinh (Nhà văn hoá thôn Đông Vinh)	1	1314,8	207	207	262.960.000	1.142.900.000	1.097.184.000					
1.7	Nhà văn hoá thôn Nghĩa Lâm (mới)	1	868	127	127	173.680.000	600.000.000	480.000.000					
1.8	Nhà văn hóa thôn Tân Thành	1	633	75	75	126.600.000	50.000.000	38.000.000					
1.9	Nhà văn hóa thôn Kim Thành Thượng	1	1769	127	127	353.800.000	600.000.000	480.000.000					
1.10	Nhà văn hóa thôn Bình Thành xã Hành Nhân	1	1995	127	127	399.000.000	600.000.000	480.000.000					
1.11	Lớp mẫu giáo thôn Bình Thành, xã Hành Nhân	1	306	-	-	61.200.000	-	-					
1.12	Nhà văn hóa thôn Phước Lâm	1	1128	139	139	225.600.000	1.012.000.000	809.600.000					
1.13	Nhà văn hóa thôn Đông TrúC Lâm	1	552	150	150	110.400.000	1.150.000.000	1.092.800.000					
1.14	Nhà văn hóa thôn Tân Lập	1	2171	127	127	434.200.000	600.000.000	480.000.000					
1.15	Sân vận động thể thao xã Hành Nhân (Bình Thành)	1	8387	-	-	1.677.400.000	-	-					
1.16	Sân vận động thể thao xã Hành Nhân (Đông TrúC Lâm)	1	7524	-	-	1.504.800.000	-	-					
2	Xã Hành Minh (cũ)												
2.1	Trụ sở làm việc UBND xã Hành Minh		6273	2000	2000	56.457.000.000	5.902.212.000	1.178.081.515					Điều chuyển qua làm trụ sở Công an xã Phước Giang
2.2	Đất nhà văn hóa thôn Long Bàn Bắc	1	1842,4	120	120	1.842.400.000	300.000.000	119.910.000					
2.3	Đất nhà văn hóa thôn Long Bàn Nam	1	1679,7	150	150	1.679.700.000	750.000.000	249.750.000					
2.4	Đất nhà văn hóa thôn Tinh Phú Bắc	1	514,7	100	100	1.544.100.000	600.000.000	199.800.000					
2.5	Đất nhà văn hóa thôn Tinh Phú Nam	1	3543,4	100	100	21.260.400.000	236.000.000	94.329.200					
2.6	Đất NVH xã Hành Minh	1	1.939,3	1000	1000	8.453.700.000	300.000.000	139.920.000					
3	Xã Hành Dũng (cũ)												
3.1	Trụ sở UBND xã tại thôn An Hòa - xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành		2763,3	318,4	318,4	1.144.000.000	2.500.000.000	2.200.000.000	958			-640	Trụ sở làm việc Đảng uỷ -HDND-UBND xã Phước Giang

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất hiện có	Diện tích hiện có (m2)			Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Tiêu chuẩn, định mức được sử dụng theo quy định (m2)			Chênh lệch (Thừa (+)/ thiếu(-)) hiện có so với tiêu chuẩn, định mức (m2)	Ghi chú
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà	Giá trị QSDD	Nguyên giá tài sản gắn liền với đất	Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất (đến ngày 31/12/2024)	Diện tích làm việc phục vụ công tác của các chức danh (*)	Diện tích sử dụng chung (**)	Diện tích chuyên dùng (dự kiến đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành) (***)		
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)				(6)	(7)	(8)	(9) = (5)-(8)	(10)
3.2	Hội trường UBND xã Hành Dũng tại thôn An Hòa, xã Hành Dũng	1	-	314,6	314,6	-	780.000.000	686.400.000					
3.3	Nhà làm việc xã Đội Hành Dũng tại thôn An Hòa, xã Hành Dũng	1	-	205	205	-	1.214.000.000	728.400.000					
3.4	Đất nhà văn hóa xã tại thôn An Hòa, xã Hành Dũng	1	10200,4	1400	1400	965.750.000	4.500.000.000	3.780.000.000					
3.5	Đất tại Nhà Văn hóa thôn Trung Mỹ	1	1503	52,67	52,67	300.600.000	600.000.000	504.000.000					
3.6	Đất tại Nhà Văn hóa thôn Kim Thành	1	1331,3	80,35	80,35	1.996.950.000	600.000.000	504.000.000					
3.7	Đất tại Nhà Văn hóa thôn An Hòa	1	826	150	150	165.200.000	600.000.000	504.000.000					
3.8	Đất tại Nhà Văn hóa thôn An Sơn	1	759,8	120	120	1.139.700.000	600.000.000	504.000.000					
3.9	Đất tại Nhà Văn hóa thôn An Phước	1	1824,1	120	120	364.820.000	600.000.000	504.000.000					
3.10	Đất tại Nhà Văn hóa thôn An Tân	1	779,1	110	110	623.280.000	600.000.000	504.000.000					
3.11	Đất tại Nhà Văn hóa thôn An Định	1	1178,5	230	230	235.700.000	2.167.249.000	1.733.799.200					
3.12	Đất sân vận động thôn An Phước	1	5588	-	-	502.830.000	-	-					
3.13	Đất sân vận động thôn An Tân	1	14040	-	-	1.263.690.000	-	-					
3.14	Nhà tại Điểm trường thôn An Định, xã Hành Dũng	1	-	82,8	82,8	-	16.560.000	-					
3.15	Nhà tại Điểm trường thôn An Phước, xã Hành Dũng	1	-	130	130	-	104.000.000	-					
3.16	Nhà tại Điểm trường thôn Kim Thành, xã Hành Dũng	1	-	120	120	-	180.000.000	-					
3.17	Đất sân vận động thôn An Phước	1	5588	-	-	502.830.000	-	-					
3.18	Đất sân vận động thôn An Tân	1	14040	-	-	1.263.690.000	-	-					

Ghi chú:

(*) Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

(**) Diện tích sử dụng chung được xác định tối đa không quá 85% tổng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh của cơ quan, tổ chức và được phân bổ cho từng loại diện tích cụ thể quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP. Trường hợp sau khi phân bổ cho từng loại diện tích quy định tại khoản 1 Điều này mà diện tích của các phòng/bộ phận có quy định cụ thể tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam (công sở cơ quan hành chính nhà nước) thấp hơn so với mức tối thiểu được quy định tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam thì được áp dụng diện tích của phòng/bộ phận đó theo mức tối thiểu quy định tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam. Phần diện tích chênh lệch giữa diện tích được phân bổ và diện tích tối thiểu theo Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam được bổ sung vào diện tích sử dụng chung của cơ quan, tổ chức.

(***) Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

DANH MỤC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DÔI DƯ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ
(Kèm theo Công văn số /BC-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Phước Giang)

ST T	Tên đơn vị quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng	Cấp nhà	Năm đưa vào sử dụng	Số tầng	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà xây dựng (m2)	Diện tích sàn xây dựng nhà (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)			Đề xuất hình thức xử lý	Ghi chú
									Giá trị QSDĐ	Nguyên giá tài sản gắn liền với đất	Giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất (đến ngày 31/12/2024)		
	UBND xã Phước Giang												
1	Trụ sở đội thuế xã Hành Nhân	1	4	1994		104	45,5	45,5	124.800.000	25.000.000	-	Thanh lý đất và tài sản trên đất	Bỏ trống không sử dụng
2	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Lâm (cũ), xã Hành Nhân	1	4	1995		380	53,0	53,0	76.000.000	25.000.000	-	Thanh lý đất và tài sản trên đất	Bỏ trống không sử dụng
3	Trường Mầm non thôn An Phước	1	4	2003		1.009	130,0	130,0	806.880.000	104.000.000	-	Thanh lý đất và tài sản trên đất	Bỏ trống không sử dụng
4	Trường Mầm non thôn An Định	1	4	2008		700	82,8	82,8	140.000.000	16.560.000	-	Thanh lý đất và tài sản trên đất	Bỏ trống không sử dụng
5	Trường Tiểu học thôn Kim Thành	1	4	2008		1.440	140,0	140,0	1.728.000.000	180.000.000	-	Thanh lý đất và tài sản trên đất	Bỏ trống không sử dụng
6	Trường Tiểu học thôn An Định	1	4	2008		1.828	192,0	192,0	886.400.000		-	Thanh lý đất và tài sản trên đất	Bỏ trống không sử dụng
7	Điểm trường mầm non thôn Trung Mỹ	1	4	2010		2.902	185	185	580.460.000		-	Thanh lý đất và tài sản trên đất	Bỏ trống không sử dụng
8	Điểm trường Tiểu học thôn Đông Trúc Lâm	1	4			1.824	-	-	364.800.000			Thanh lý đất	Bỏ trống không sử dụng

KẾ HOẠCH XỬ LÝ TRỤ SỞ DÔI DƯ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Công văn số /BC-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Phước Giang)

STT	Tên đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng/ địa chỉ cơ sở nhà, đất	Số lượng cơ sở nhà, đất hiện có	Diện tích (m2)			Đề xuất phương án xử lý			Ghi chú
			Đất	Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà	Hình thức xử lý	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian dự kiến hoàn thành phương án xử lý	
	UBND xã Phước Giang								
1	Trụ sở làm việc UBND xã Hành Minh	1	6.273	2.000	2.000	Điều chuyển	UBND xã Phước Giang	Tháng 8, 9/2025	Bổ trí trụ sở làm việc cho Công an xã Phước Giang.
2	Trụ sở làm việc của Công an xã Hành Minh (cũ)	1	-	200	200	Điều chuyển	Phòng Hậu cần (PH10) Công an tỉnh Quảng Ngãi.	Tháng 8, 9/2025	Giao Tài sản trên đất cho UBND xã Phước Giang quản lý và sử dụng. (Phần diện tích đất này thuộc Đất NVH xã Hành Minh cũ).